

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT

Ngày 21-01-2022

*V/v tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất; hủy giấy chứng nhận
quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng
đất ở*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Thia - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLPT-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2021, về việc *“Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà H, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà H1, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông T, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022).

- Bị đơn:

1. Ông M, sinh năm 1953.

2. Bà P, sinh năm 1954.

3. Anh P, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh P: Ông M, sinh năm 1953 và bà P, sinh năm 1954. Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Ông D- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T. Địa chỉ: Số A, đường T, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T.

- Người kháng cáo:

1. Bà H là nguyên đơn.

2. Bà H1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông T và nguyên đơn bà H1 trình bày:

Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2015/DS-ST ngày 05/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và Bản án dân sự phúc thẩm số: 44/2016/DS-PT ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà H với bị đơn bà P và ông M buộc bà P và ông M có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 272.533.750 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2015/DS-ST ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và Bản án dân sự phúc thẩm số: 96/2016/DS-PT ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà H1 với bị đơn bà P và ông M buộc bà P và ông M có trách nhiệm trả cho bà H1 số tiền 226.500.000 đồng và 27 chỉ vàng 24 kara.

Sau khi các Bản án trên có hiệu lực pháp luật, quá trình thi hành án thì bà P và ông M đã trả cho bà H được số tiền 99.000.000 đồng, số tiền còn lại 173.533.750 đồng chưa trả; trả cho bà H1 được số tiền 111.000.000 đồng, số tiền còn lại 115.500.000 đồng và 27 chỉ vàng 24 kara chưa trả.

Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần không thi hành được vì tài sản của bà P và ông M không còn. Sau đó bà H, bà H1 biết được bà P và ông M vẫn còn tài sản, đồng thời có cung cấp thông tin cho Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần thì ông M và bà P có tài sản là căn nhà cấp 04, diện tích xây dựng là 109.44m², kết cấu BTCT, mái tole, tường xây gạch, nền lát gạch men, xây dựng trên diện tích đất 300m² thuộc thửa đất 2310, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Toàn bộ tài sản này ông M và bà P đã làm hợp đồng tặng cho cháu nội là anh P vào ngày 03/12/2015. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần đã chỉnh lý biến động vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất

ở cho anh P vào ngày 21/12/2015. Do đó Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần không thể thi hành được do tài sản này anh P đã được đứng tên.

Khi bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì ông M và bà P đương nhiên biết được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình nhưng ông M và bà P đã cố tình làm hợp đồng tặng cho tài sản của mình cho người khác là không đúng theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số: 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC, ngày 26/7/2010 của Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao thì bà P và ông M đã cố tình tẩu tán tài sản để không phải thi hành án làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H1, bà H.

Nay bà H1, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập vào ngày 03/12/2015 giữa bà P và ông M với anh P. Do quyền sử dụng đất này đã điều chỉnh trang tư cho anh P nên yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ để đem tài sản thi hành án.

Bị đơn ông M, bà P và người đại diện theo ủy quyền của anh P là ông M trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông có hỏi vay tiền, vàng của bà H1, bà H. Do bà H, bà H1 tính lãi quá cao, vợ chồng ông không còn khả năng trả vốn, lãi nên bà H, bà H1 đã khởi kiện để đòi số tiền, vàng mà vợ chồng ông nợ. Vụ án đã được giải quyết bằng Bản án đã có hiệu lực pháp luật vào năm 2016.

Thi hành án theo Bản án của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thì hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà H1 số tiền 115.500.000 đồng và 27 chỉ vàng 24 kara; nợ bà H số tiền 173.533.750 đồng và chưa thi hành tiếp nhưng vợ chồng ông vẫn có thiện chí để trả nợ cho bà H1, bà H. Khi vay tiền, vàng của bà H1, bà H các bên không có thỏa thuận có liên quan gì đến tài sản.

Anh P là cháu nội duy nhất của vợ chồng ông. Từ trước đến nay, anh P sống chung với vợ chồng ông. Khi trả nợ cho bà H1, bà H thì anh P cùng làm để trả nợ giúp vợ chồng ông. Để có người chăm sóc vợ chồng ông lúc về già nên diện tích đất 300m², gắn liền với căn nhà cấp 4 (Diện tích 109,44m²), thửa đất 2310, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vợ chồng ông đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất cho anh P vào ngày 03/12/2015. Thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất được công chứng đúng theo quy định. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần đã điều chỉnh trang tư cho anh P vào ngày 21/12/2015. Khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cũng như khi điều chỉnh trang tư cho anh P thì không xảy ra bất cứ tranh chấp hay khiếu nại cho nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh P là hợp pháp, đúng theo quy định. Thời điểm vợ chồng ông làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh P đối với diện tích đất nêu trên thì vợ chồng ông vẫn còn tài sản khác tại thửa đất 1175 và thửa đất 2465 để thi hành án nhưng sau khi thi hành án, tài sản của vợ chồng ông đã không đủ để thi hành hết 02 khoản nợ trên. Vợ chồng ông không cố tình tẩu tán tài sản. Hiện nay giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do anh P đang quản lý, anh P cũng không thực hiện một giao dịch nào khác.

Nay vợ chồng ông không đồng ý theo yêu cầu của bà H và bà H1, yêu cầu Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H1.

Tại Công văn số: 2300/UBND-NC ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C (bút lục 122) có ý kiến: Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nông thôn cho bà P và ông M vào ngày 10/10/2005 đối với thửa đất 2310, diện tích 300m², tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất. Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được lập ngày 03/12/2015 giữa bà P và ông M với anh P được công chứng tại Văn Phòng công chứng Công Lý Trà Vinh. Ngày 21/12/2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần đã xác nhận thay đổi về chủ thể tại mục III giấy chứng nhận.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T (bút lục 218-219) trình bày: Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần xác nhận, chỉnh lý biên động vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nông thôn cho anh P đối với thửa đất 2310, diện tích 300m², tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 21/12/2015 trên cơ sở của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất ngày 03/12/2015 được công chứng tại Văn phòng công chứng Công Lý Trà Vinh vào ngày 03/12/2015 là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã Quyết định:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H1 về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản được gắn liền với đất xác lập vào ngày 03/12/2015 giữa bà P, ông M với anh P và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã chỉnh trang tư cho anh P đối với diện tích đất 300 m², gắn liền với căn nhà cấp 4 (Diện tích 109,44m²), thửa đất 2310, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/11/2021, bà H1 là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Ngày 02/11/2021, bà H là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 là nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo; ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà H vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án vị đại diện Viện Kiểm sát cho rằng:

Xét kháng cáo của bà H1, bà H thấy rằng hợp đồng tặng cho thửa đất 2310 vào ngày 03/12/2015 được chỉnh lý biến động ngày 21/12/2015 thì việc tặng cho nay có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vào sổ đăng ký. Như vậy, đối chiếu với bản án sơ thẩm số 25/2015/DS-ST ngày 05/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và bản án phúc thẩm số 44/2016/DS-PT ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà Phấn, ông M; bản án dân sự sơ thẩm số 13/2015/DS-ST ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần và bản án phúc thẩm số 96/2016/DS-PT ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giữa nguyên đơn bà H1 với bị đơn bà Phấn, ông M thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực pháp luật trước thời điểm bản án tranh chấp hợp đồng vay có hiệu lực theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự và Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010.

Hơn nữa, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay thì bà H, bà H1 cũng không có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, kháng cáo của bà H1, bà H là không có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông M và bà P với cháu nội là anh P đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 (là ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành) nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì tranh chấp đối với Hợp đồng nêu trên phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của bà H và bà H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giao dịch vay tài sản giữa bà H, bà H1 với ông M, bà P được Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2015/DS-ST ngày 05/5/2015 và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 44/2016/DS-PT ngày 16/3/2016; Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2015/DS-ST ngày 21/12/2015 và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 96/2016/DS-PT ngày 26/5/2016 thì giữa bà H, bà H1 và ông M, bà P không có văn bản nào thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp là đem 01 căn nhà cấp 04, diện tích xây dựng 109,44m², diện tích đất 300m² thuộc thửa đất 2310, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện

C, tỉnh Trà Vinh để đảm bảo thi hành án. Khi xảy ra tranh chấp bà H, bà H1 cũng không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 03/12/2015, ông M và bà P đã đem tài sản này tặng cho anh P được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần điều chỉnh trang tư cho anh P vào ngày 21/12/2015 là thời điểm Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ghi: *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.”*. Với những quy định của pháp luật nêu trên, việc ông M và bà P đem 01 căn nhà cấp 04, diện tích xây dựng 109,44m², diện tích đất 300m² thuộc thửa đất 2310, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh tặng cho anh P là thời điểm trước ngày Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nên không thuộc trường hợp tài sản bị kê biên để thi hành án.

[3] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà P, ông M với anh P xác lập ngày 03/12/2015 được lập thành văn bản có công chứng đúng theo quy định tại Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy ý kiến của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T khẳng định việc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần xác nhận, chỉnh lý biến động vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho anh P đối với thửa đất 2310, diện tích 300m², tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 21/12/2015 là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà H, bà H1 không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 khoản 1 Điều 153, khoản 1 Điều 165, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP, ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà H, bà H1. Giữ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được xác lập vào ngày 03/12/2015 giữa bà P, ông M với anh P và hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở đã chính trang tư cho anh P ngày 21/12/2015 đối với diện tích đất 300 m², gắn liền với căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 109,44m², thuộc thửa đất 2310, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H và bà H1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H1 và bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0007671, ngày 31/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Bà P, ông M và anh P không phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0002774, ngày 03/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Buộc bà H1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0002780, ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Những quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Viên